TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **44**/2025/QĐCNHGT-DS	

BĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của nguyên đơn ông Phan Văn T, bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng Đ.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi đề ngày 27 tháng 5 năm 2025 của ông Phan Văn T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện*: **Ông Phan Văn T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp Phước Thạnh, xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

+ *Người bị kiện:* **Bà Huỳnh Thị N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Nguyễn Hồng Đ**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 6 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Hồng Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn T số tiền nợ hụi là 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng. Thời gian thực hiện liên đới trả ngay khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Ngày 30/6/2025)

Ghi nhận sự tự nguyện ông T không yêu cầu bà N, ông Đ trả lãi suất của số tiền nêu trên.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy